TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 24-6-2025.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Huỳnh Hiếu Trung**.
+ Ông **Đoàn Văn Vui**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trường Thịnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Phan Trọng Thế** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bé T** - Sinh năm: 1991; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên lạc: Số B, đường N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn Chí L** - Sinh năm: 1992; địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Chí L chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến

Tre vào ngày 04/4/2018 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc nữa mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Chị và anh L đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Cho rằng hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh L, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có hai người con chung là: Trần Nguyễn Ngọc H - Sinh ngày 29/11/2013 và Trần Nguyễn Ngọc H1 - Sinh ngày 27/02/2019, cả hai người con hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày là không có.

Tại đơn đề nghị không hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 16/5/2025, bị đơn là anh Trần Văn Chí L trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị T, đồng ý để chị T được quyền nuôi hai người con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và trình bày là anh chị không có nợ chung.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Bé T, anh Trần Văn Chí L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 21, 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Trần Văn Chí L.

(2) Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B Thà được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh L là: Trần Nguyễn Ngọc H - Sinh ngày 29/11/2013 và Trần Nguyễn Ngọc H1 - Sinh ngày 27/02/2019 (hai người con hiện đang sống chung với chị T), anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

(3) Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Bé T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trần Văn Chí L có địa chỉ tại khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[2] Anh Trần Văn Chí L vắng mặt tại phiên hòa giải vào ngày 09/5/2025, đồng thời chị T, anh L có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị T, anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Chị T, anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/4/2018, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của chị T, lời trình bày của anh L tại đơn đề nghị không hòa giải và xét xử vắng mặt, biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được chị T và anh L có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ đầu năm 2024, giữa anh chị không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh L cũng đồng ý ly hôn với chị T, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có hai người con chung là: Trần Nguyễn Ngọc H - Sinh ngày 29/11/2013 và Trần Nguyễn Ngọc H1 - Sinh ngày 27/02/2019. Chị T yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; cả hai người con hiện đang sống chung với chị T, người con lớn là Trần Nguyễn Ngọc H cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục chung sống với chị T, anh L đồng ý với yêu cầu nuôi con của chị T, đồng thời để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của hai người con nên chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị T, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly

hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thà là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Trần Văn Chí L.

2/ Về con chung:

Chị Nguyễn Thị B Thà được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh Trần Văn Chí L là: Trần Nguyễn Ngọc H - Sinh ngày 29/11/2013 và Trần Nguyễn Ngọc H1 - Sinh ngày 27/02/2019 (hai người con hiện đang sống chung với chị T) cho đến khi các con đủ mười tám tuổi. Anh Trần Văn Chí L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Trần Văn Chí L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

Vì lợi ích của con chung, chị T, anh L hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009403 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bé T, anh Trần Văn Chí L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Phước Mỹ Trung;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên